KĨ THUẬT "CẤY CHỮ" TRONG THƠ LÊ ĐẠT

WORD IMPLANTATION TECHNIQUE IN LE DAT'S POETRY

Bùi Phương Uyên

Học viên Cao học K25 chuyên ngành Văn học Việt Nam, Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng

Email: Uyenbo.ussh@gmail.com

TÓM TẮT

Lê Đạt là một hiện tượng đặc biệt, độc đáo trong văn học Việt Nam nói chung và thơ Việt Nam nói riêng. Cuộc đời, số phận và hành trình sáng tạo của nhà thơ gắn liền với những biến động của lịch sử đất nước. Suốt 30 năm bền bỉ thể nghiệm trong im lặng, Lê Đạt đã có những tìm tòi mới mẻ về hình thức đáng ghi nhận qua bốn tập thơ *Bóng chữ* (1994), *Ngó lời* (1997), *U75 từ tình* (2007) và *Đường chữ* (2009). Một trong những cách tân về hình thức của Lê Đạt là tạo ra một "logic khác" trong hệ hình ngôn ngữ thơ. Trong đó, kĩ thuật "cấy chữ" thể hiện bước đột phá táo bạo của "phu chữ" để tạo ra những con chữ tinh khôi, trinh nguyên, những con chữ "nảy mầm" (Andre Breton).

Từ khóa: thơ Lê Đạt; cách tân; kĩ thuật cấy chữ; những kí hiệu không đáy.

ABSTRACT

Le Dat is an outstanding and original phenomenon in Vietnamese literature in general, and in Vietnamese poetry in particular. His lifetime and creativity journey were tied to the ups and downs of the country's history. After working hard in silence for over 30 years, Le Dat has carried out the remarkable exploration of the poem forms through four poem volumes *Bong chu* (1994), *Ngo loi* (1997), *U75 tu tinh* (2007) and *Duong chu* (2009). One of the innovations in the form of Le Dat's poem is to create an "another logic" in poetic language paradigm. In particular, word implantation technique presents a breakthrough in creating pristine, virgin and "germinated" words.

Key words: Le Dat's poetry; the innovations; word implantation technique; bottomless symbols.

1. Mở đầu

Tiếp cận thi giới Lê Đạt từ tập thơ *Bóng chữ, Ngó lời, U75 từ tình* đến *Đường chữ*, chúng tôi xác tín một điều rằng thế giới trong bốn tập thơ luôn va chạm, bất ổn, nhiều khi trở nên vô nghĩa, vô thức nhưng lại tạo nghĩa bất ngờ. Mỗi con chữ trong thơ ông là một sự tồn tại tự thân, vẫy gọi liên chủ thể tiếp nhận, phát hiện những lớp "địa chất hiện sinh" (Roland Barthes). Để làm được điều đó, nhà thơ đã dành cả đời mình thay đổi tín hiệu trong thơ bằng kĩ thuật "cấy chữ". Nhờ vậy, mỗi từ trong thơ Lê Đạt đều có tính bách khoa, chứa đựng đồng thời nhiều nghĩa.

2. Nội dung

2.1. Kĩ thuật "cấy chữ" – công việc "thô mộc" của người "phu chữ"

"Cấy chữ" theo quan niệm của chúng tôi là nhổ một chữ hay nhiều chữ ra khỏi câu thơ và thêm hoặc thay thế vào đó một chữ khác, có thể đồng âm nhưng dị nghĩa, biến một câu thơ thành nhiều câu thơ. Kĩ thuật "cấy chữ" khiến mỗi chữ đều có vị trí độc lập, có khả năng kết hợp trong một trật tự khác, tạo ra những hình ảnh mới lạ, đối lập với câu thơ cũ. Nhờ vậy, câu thơ cùng lúc phát ra nhiều nghĩa, đôi khi trập trùng nghĩa. Sử dụng kĩ thuật "cấy chữ", Lê Đạt đã làm cho từ ngữ của mình trở nên thuần khiết hơn. Mỗi từ vì thế cũng trương nở về nghĩa. Bất cứ một "mảnh chĩnh ngoài bờ tre nào" [6, tr. 287] bước vào thơ ông "cũng có thể trở thành chuông, khánh" [6, tr. 287].

Kĩ thuật "cấy chữ" cũng chính là kĩ thuật lắp ghép, là nghệ thuật lắp ráp, sắp đặt (assemblage), chắp ghép những con chữ độc lập tạo ra những câu thơ có hình thức thẩm mỹ mới. Nghĩa là, nhà thơ đã biến sự phi lý, hỗn độn của con chữ thành có nghĩa. Với kĩ thuật "cấy chữ", nhà thơ đã tạo ấn tượng về một sự đồng hiện nhiều mảng hiện thực, nhiều âm vang. Chữ được giải phóng khỏi khả năng biểu hiện, diễn ý. Trong khi làm công việc

"thô mộc" ấy, người "phu chữ" ngẫu nhiên đã phục dựng lại những giá trị uyên nguyên của từ tiếng Việt đã bị lấm láp. Lê Thiếu Nhơn, khi khảo sát và thống kê hàng loạt những cụm từ có kết hợp lạ trong thơ Lê Đạt, đã nhận định: "Đọc câu thơ dù chưa thành công lắm của Lê Đạt vẫn không hề nhầm lẫn với bất kì ai. Bởi lẽ chính Lê Đạt luôn thao thức: Nhà thơ làm mối cho những từ chưa quen biết nhau càng xa lạ càng tốt. Đây là một thành công, sự khác lạ của Lê Đạt so với các tác giả cùng thời với mình – một sự thành công đáng được công nhận" [7].

2.2. Hành trình "cấy chữ" và nỗ lực "cải tiến vật liệu" trong thơ Lê Đạt

Trong quá trình "cấy chữ", người phu chữ đã tạo ra những chữ có độ sâu, những chữ "không đáy". Đó là những chữ phát nhiều nghĩa, bởi nó nằm trong nhiều mối quan hệ với các từ khác trên cả trục kề cận lẫn trục liên tưởng. Nhà thơ từng tuyên ngôn:

Chi chi chành chành
Chữ đanh thổi lửa.

(*Chi…chành*)

"Chữ đanh" là những chữ cô đặc, hàm súc nhất. Lửa là sức nóng, là sự tỏa sáng. Chữ càng "đanh" thì hàm nghĩa càng rộng lớn. Những chữ "không đáy" cũng chính là những "chữ đanh" mà nhà thơ suốt đời đi tìm "Mai sau ta chết/ Ai đó đừng quên/ Đưa ta dăm đồng/ Để ta ăn đường/ Để ta sang sông / Để ta đi tìm".

Đọc bốn tập thơ, chúng ta nhận thấy có rất nhiều từ mới mang dấu ấn của riêng Lê Đạt. Ông tiến hành cấy ghép những từ mà trong đời sống tự nhiên chúng chẳng bao giờ có cơ hội kết hợp với nhau. Sự kết hợp này làm tăng khả năng phát nghĩa của từ. Đó là những từ: chiếc bài thơ (*Tại chiếc bài thơ em đội đầu*), boong phố (*Boong phố nổi chàm nê ông lạ*), tuổi đèn (*Phố mấy tuổi đèn*), bát mộ (*Hồn có nhà/ hay bát mộ đi xanh*), gió ăng ten (*Gió ăng ten/ Phố mấy tuổi đèn*), gáy nê ông (*Gáy nê ông chiều lã liễu lam bay*)…

Khảo sát toàn bộ bốn tập thơ, chúng tôi nhận thấy những từ, cụm từ có kết hợp lạ xuất hiện dày đặc tạo những "bất ngờ cú pháp". Ở tập thơ *Bóng chữ*, chúng ta có thể bất gặp những cụm từ lạ như: thuở xanh hai, tóc khế xanh, bầy em én, mộng hoa dâu, nắng mười tám, tóc hoa đèn, nỗi thiên thanh, mùa cấm vận, tim ghép ngọt, ngã tương tư, sóng tháp bút, lòng nhịu tình, ngã tư may, hè thon cong, thân chữ nổi, đảo vô tâm, mơ non, môi đèn, lá ôi môi, tuổi nụ, đồi mềm, mắt lá tre… Ở *Ngó lời* cũng có những kết hợp bất ngờ, đi ngoài những quy tắc thông thường tiếng Việt như: số tình, đôi xuân, xanh thức ngủ, tình tăng bo, lúm má xoan, ngực dự hương, mùi tuổi chín, lòng rừng già, tóc dư hương, nét ăng ten, ngực triều non, ngực tình ca, tuổi vào ga, quầy tim, thư ngũ sắc… Đến với *U75 từ tình* và *Đường chữ* cũng vậy: lòng cơ nhỡ, tình bỏ nhỏ, nỗi heo may, mùi ca dao, mày hoa lạnh, môi ứ lửa, xa lộ thu, môi trăng, lòng ngộ trăng, má nắng, mắt thượng huyền, tình sương mù, ngực mầm nảy…

Ngoài ra, Lê Đạt còn thể nghiệm chữ bằng cách sử dụng và kết hợp khá nhiều từ ngữ mang màu sắc hiện đại nhưng cấp cho chúng những nét nghĩa mới. Đó là những từ: ăng ten, nê ông, tần số, địa chỉ, hộp thư, tạm trú, tín dụng, cấm vận, chương trình, tạm ứng, Honda nữ… Những từ này vốn dĩ không nằm trong địa hạt văn học nhưng nhà thơ đã sử dụng nó triệt để với ý nghĩa mới lạ. Bài thơ *Gọi đò* là một điển hình tiêu biểu:

Gốc bưởi hẹn trăng mờ sông bến lở
Hoa áo trắng học trò
hương tuổi mụ về đâu
Biển **tín dụng** xanh
vỗ **nợ** sóng bạc đầu.

"Biển tính dụng xanh" đi vào bài thơ đã vượt thoát nghĩa thông thường. Chữ "tín dụng" vốn là thuật ngữ dành riêng cho ngành tài chính - ngân hàng nhưng Lê Đạt đã kết hợp với "biển" và "xanh" để tạo ra một nét nghĩa khác. "Biển" gợi sự mênh mông còn "nợ" – những món nợ vay mượn của cuộc đời. Tất cả những tín hiệu đó dẫn chúng ta đến kết luận về thuyết nhân quả trong cuộc đời, ở đó con người mãi mãi không thể trả hết món nợ cuộc đời.

Lê Đạt đã có cách kết hợp, vận dụng vào thơ những "chữ lạ hơi nhà" để thể hiện những suy tư khác lạ của mình:

Từ Bích Câu em biền biệt tin về
Thu mở mùa chim mây vỡ tổ
Mái thấp cao
chiều ngổn ngang **tần số**
Đầu **ăng-ten**
trời quê ngoại **kênh** chờ.

(Kênh chờ)

Ở đây, từ "tần số", "ăng ten", "kênh chờ" không còn là sự truyền dẫn thông tin của máy móc mà trở thành sợi dây liên kết những điều thầm kín trong tình cảm con người. Ngoài ra trong bài thơ còn có những từ có kết hợp lạ như "mùa chim", "chim mây" hoặc nếu có thể sẽ là "mùa chim mây"."Mùa chim" là mùa có nhiều chim, ở đây chỉ những con chim thật, còn ở "chim mây" và "mùa chim mây" thì chim là ẩn dụ. Như vậy, sự kết hợp đã tạo là cùng một lúc hai nghĩa cho từ. Cách Lê Đạt đã làm là đặt một từ (tạm gọi là B) và giữa hai từ A và C (mô hình A – B – C) để B cùng một lúc tham gia vào hai trường nghĩa khác nhau và cùng phát nghĩa chung một thời điểm.

Nếu thơ xưa chủ yếu kiếm tìm "thần tự, nhãn tự" thì thơ Lê Đạt chú trọng lần tìm nghĩa ở ngoài câu, tức là nghĩa tiềm sinh – là nghĩa chỉ xuất hiện khi từ được đặt trong mối quan hệ kề cận với các từ khác trong câu. Mỗi chữ trong bốn tập thơ đều được chiếu dọi "từ nhiều nguồn sáng đặt ở những phương vị khác nhau, tạo ra nhiều bóng đổ vào nhau, lồng vào nhau. Từ đơn nghĩa trở thành đa nghĩa, đơn mạch trở thành đa mạch" [8]. Chữ nghĩa của Lê Đạt tự thân đã là một cơ thể sống, nó luôn luôn chuyển động, biến đổi, đa ngã. Mỗi con chữ trong thơ ông chỉ là cái bóng của những chữ khác. Rõ ràng, chữ nghĩa trong bốn tập thơ đã thể hiện những nỗ lực "cải tiến vật liệu", "thay đổi công nghệ" chữ của Lê Đạt. Sự đổi mới ngôn ngữ trong thơ ngẫu nhiên lại kích thích sự tìm tòi, giải mã ở người tiếp nhận. Đến với thơ ông, người tiếp nhận không thể đọc theo lối tiếp thu ngữ nghĩa một chiều truyền thống mà phải cùng tham gia trò chơi chữ, "vừa đi vừa phát quang" mới có thể mở lối vào thơ được. Những chữ "nụ xuân", "mơ ngần", "thon cong", "thân nắng" trong bài thơ *Nụ xuân* là sáng tạo chữ độc đáo của nhà thơ. Theo nghĩa tự điển thông thường, chỉ có"trong ngần", "trắng ngần" nhưng nhà thơ lại sử dụng một từ đắc địa khác "mơ ngần" tạo ra nét nghĩa mới: giấc mơ trinh trắng, trong vắt, đẹp đẽ của tuổi trăng tròn. Mặt khác, hai từ "thon cong", "thân nắng" lại gợi vẻ đẹp hình thể của người thiếu nữ, một vẻ đẹp mơn mởn, quyến rũ, say đắm lòng người. Những cách tân chữ như vậy không chỉ tạo ra nghĩa mới cho từ tiếng Việt mà còn góp phần lạ hóa tầm đón đợi của người tiếp nhận. Từ những biến tấu chữ, nhiều tầng nghĩa mới được khai sinh, được đẩy về nghĩa nguyên sinh.

Không những "cấy" những lớp từ hiện đại mà Lê Đạt còn đưa khá nhiều từ Hán Việt vào thơ. Những từ ngữ ấy vốn trang trọng như hồng hoa thôn, xá tội vong nhân, thiên lí, trường tân, tiến tửu, mộng phủ, đoạn trường… Những từ thông dụng thường được Lê Đạt dùng thông qua cách tổ chức, cấu trúc theo một công nghệ đặc biệt. Trong bài *Mimôza*, khi viết:

Nắng tạnh **heo mày** hoa lạnh
Mi mô za chiều khép cách mi môi xa.

Lê Đạt đã "gột rửa" và "tái sinh" từ "heo may" bằng một dấu huyền để nó trở thành "heo mày". Con chữ bỗng trở nên sống động, cựa quậy, trở mình, đổ bóng. Lê Đạt dùng từ "heo mày" khiến người đọc nghĩ đến cái nhíu mày ưu tư trăn trở của con người trước cuộc đời. Đó là lớp nghĩa mới hiện đại được khai sinh khác hẳn với nghĩa vốn có của nó. Trong thơ Lê Đạt, cái biểu đạt liên tục biến đổi thành cái được biểu đạt và ngược lại. Rất khó để tìm ra được cái biểu đạt cuối cùng.

Trong bài thơ *Lí Bạch*:

Tiến tửu
chén vơi
trăng đầy hát
Rượu say mèm sầu tỉnh hận không say

Thiên lý chữ tuôn lòng **nhật bạch**
Không tận xanh
thơ thở trắng trời.

(*Lí Bạch*)

Số lượng từ Hán Việt xuất hiện khá nhiều như "tiến tửu", "thiên lý", "nhật bạch" nhưng âm hưởng thơ lại rất hiện đại. Người, trăng, thơ, rượu quấn quít bên nhau như những người bạn tri kỉ.

3. Kết luận

Với kỹ thuật "cấy chữ", Lê Đạt đã xác lập một ngữ pháp thơ cho riêng mình đồng thời tạo ra một "mê lộ phố" thi ca đầy huyễn ảo. Nhà thơ đã tiêu diệt ý đồ liên kết để thay vào đó là sự bùng nổ của các từ trong thơ, khiến câu thơ dang dở, mở cửa cho nhận thức, suy nghĩ và diễn nghĩa của người đọc. Đây là một cuộc liên minh mới (nouvene alhance) của chữ nhằm tạo nên "một cái nghe mới thú vị" cho người tiếp nhận. Đến tay người tiếp nhận, chữ sẽ tạo sinh vô tận "Nếu trước đây nhà thơ lấy nghĩa ứng trước làm hệ quy chiếu chọn chữ đặt câu thì nay Lê Đạt lấy chữ làm trung tâm phát nghĩa. Bởi thế, cái nghĩa hậu sinh này không phải là nghĩa tiềm/ tiền sinh tự điển, nghĩa tiêu dùng, mà nghĩa được phát sinh bởi các mối liên hệ của chữ ấy với các chữ khác trong câu. Như vậy, đó là một nghĩa khác, nghĩa do thi nhân khai nguyên" [6, tr. 281].

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Lê Đạt (1994), *Bóng chữ*, NXB Hội nhà văn, Hà Nội.

[2] Lê Đạt (1997), *Ngó lời*, NXB Văn học, Hà Nội.

[3] Lê Đạt (2007), *U75 Từ tình*, NXB Phụ nữ, Hà Nội.

[4] Lê Đạt (2009), *Đường chữ*, NXB Hội nhà văn, Hà Nội.

[5] Roland Barthes (1998), *Độ không của lối viết*, NXB Hội nhà văn, Hà Nội.

[6] Lê Đạt (2011), *Đối thoại với đời và thơ*, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.

[7] Đỗ Lai Thúy (2012), *Thơ như là mỹ học của cái khác*, NXB Hội nhà văn, Hà Nội.

[8] Lê Thiếu Nhơn, "*Phu chữ ngỏ lời phương nao*", http://giaitri.vnexpress.net/tin-tuc/sach/lang-van/phu-chu-ngo-loi-phuong-nao-1972861.html, truy cập ngày 5/3/2014.

[9] Đỗ Lai Thúy, "*Mã thơ Lê Đạt*", http://hoiluan.vanhocvietnam.org/?p=199, truy cập ngày 15/06/2013.